TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 25/2019/DS-PT
Ngày: 22 – 4 – 2019
V/v Trông Chấp đòi lại tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Thường.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thúy Liên;

Bà Võ Thị Hồng Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phương Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Đặng Xuân Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2019/TLPT-DS ngày 17 tháng 01 năm 2019 về trông Chấp đòi lại sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 310/2018/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Q, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 32/2019/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1927; cư trú tại thôn N, xã N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. (Có mặt)

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị C:

1. Anh Hồ Văn H; cư trú tại tổ, Khu vực, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. (Có mặt)

2. Bà Phan Thị N; cư trú tại thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. (Có mặt)

3. Bà Phan Thị P; cư trú tại thôn N, xã N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. (Có mặt)

Là những người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị C (Văn bản ủy quyền số 2129 ngày 18/4/2018).

- *Bị đơn*: Ông Phan Đình C, sinh năm 1969; cư trú tại Thôn N, xã N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Chị Lê Thị Xuân C, sinh năm 1967. (Có mặt)

2. Cháu Phan Xuân L, sinh năm 2000. (Vắng mặt)

3. Cháu Phan Thị Xuân H, sinh năm 2003. (Vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của cháu Phan Thị Xuân H: Ông Phan Đình C (là cha ruột của cháu Hưởng).

Cùng cư trú tại: Thôn N, xã N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

- *Người làm chứng*:

1. Bà Võ Thị N, sinh năm 1945. (Có mặt)

2. Chị Võ Thị L, sinh năm 1964. (Có mặt)

Cùng cư trú tại: Thôn N, xã N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

- *Người kháng cáo*: Ông Phan Đình C là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Hồ Văn H; chị Phan Thị N; chị Phan Thị P, trình bày:

Bà Nguyễn Thị C là mẹ ruột của ông Phan Đình C, ngày 06/9/2017 bà C có ủy quyền cho ông Phan Đình C nhận khoản tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm theo Quyết định số 2960/QĐ–UBND do UBND tỉnh Bình Định ban hành ngày 15/8/2017 với số tiền 387.703.800 đồng (bằng giấy ủy quyền số 0586 tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Bình Định). Ngày 12/9/2017 ông Cđã nhận số tiền 387.703.800 đồng theo phiếu chi số 271BT của Ban bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư. Sau khi nhận tiền, ông Csử dụng toàn bộ số tiền trên mà không giao lại cho bà C, cũng không nuôi dưỡng, chăm sóc bà C.

Nay bà C yêu cầu ông C trả lại toàn bộ số tiền nói trên cho bà C. Tại phiên tòa hôm nay, bà C thay đổi yêu cầu, bà yêu cầu ông C trả lại cho bà ½ số tiền nói trên là 193.851.500 đồng. Bà C không yêu cầu ông C trả lãi chậm trả. Đồng thời bà C cũng không yêu cầu ông C trả số tiền 2.000.000 đồng là khoản chi phí bà đưa cho ông C đi Hà Nội để khiếu nại khoản hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử bị đơn ông Phan Đình C, trình bày:

Theo bản khai ngày 10/5/2018 và các lời khai tiếp theo, ông Công nhận ngày 06/9/2017 bà C có ủy quyền cho anh nhận số tiền 387.703.800 đồng về khoản hỗ trợ chuyển đổi nghề và đào tạo việc làm khi giải tỏa tái định cư theo Quyết định số 2960/QĐ–UBND do UBND tỉnh Bình Định ban hành ngày 15/8/2017. Ngày

12/9/2017 anh đã nhận số tiền 387.703.800 đồng tại Ban bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư. Nay bà C yêu cầu anh trả số tiền trên anh không đồng ý bởi anh là con trai duy nhất trong gia đình, có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc mẹ nên anh không giao số tiền trên cho bà C. Về khoản chi phí đi Hà Nội 2.000.000 đồng là tiền do anh tự bỏ ra nhưng anh không trông Chấp về khoản tiền này.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Xuân C, trình bày:

Theo bản khai ngày 08/6/2018, chị khai nhận: Chị là vợ ông C. Chị công nhận ngày 06/9/2017 bà C có ủy quyền cho ông C liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhận số tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm là 387.703.800 đồng. Sau khi nhận số tiền về ông C tự cất giữ, dùng số tiền này để trả nợ riêng và lo cho các con ăn học. Nay bà C khởi kiện đòi lại số tiền mà bà đã ủy quyền cho ông C nhận, chị không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn vì ông C là con trai duy nhất trong gia đình, cúng giỗ từ đường và lo lắng chăm sóc cho bà C. Theo chị tại thời điểm thu hồi đất, hộ gia đình chị gồm năm người là bà C, ông C, chị và các cháu Phan Xuân L và cháu Phan Thị Xuân H (con của ông C, chị C).

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Phan Xuân L, trình bày:

Trong quá trình giải quyết vụ án, cháu L không đến Tòa để khai báo theo giấy triệu tập của Tòa án. Tòa án cũng không lấy được lời khai của cháu L. Tại phiên tòa hôm nay cháu L cũng vắng mặt không có lý do.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Phan Thị Xuân H, trình bày:

Người đại diện theo pháp luật của cháu H là ông Phan Đình C không đến Tòa để khai báo trong quá trình Tòa giải quyết vụ án và cũng vắng mặt tại phiên tòa hôm nay không có lý do.

Bản án dân sự sơ thẩm số 310/2018/DS-ST ngày 22/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Q, quyết định:

Buộc ông C phải trả cho bà C 193.851.500 đồng.

Không chấp nhận lời nại của ông C và chị Chi cho rằng ông C là con trai duy nhất trong gia đình, có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc bà C nên không trả số tiền trên cho bà C vì không phù hợp quy định pháp luật.

Không chấp nhận lời nại của chị Lê Thị Xuân C cho rằng giá trị hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm được tính trên số nhân khẩu có trong sổ hộ khẩu vì không phù hợp quy định pháp luật.

Bà C không yêu cầu ông C trả lãi chậm trả đối với số tiền mà bà C được quyền sở hữu, tương ứng thời gian bị ông C chiếm giữ nên không xem xét giải quyết.

Về khoản tiền 2.000.000đ chi phí ông C đi Hà Nội, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 13/12/2018, ông Phan Đình C là bị đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét công nhận khoản tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm theo Quyết định số 2960/QĐ-UBND ngày 15/8/2017 của UBND tỉnh Bình Định, hỗ trợ 387.703.800đ mà bà Chiểu đã ủy quyền cho ông nhận thay vào ngày 12/9/2017 là của ông. Vì nhờ ông khiếu nại mà có số tiền trên và bà Chiểu đã hứa cho ông vì ông là con trai duy nhất nên có trách nhiệm phụng dưỡng bà C; bà Nguyễn Thị C đã 91 tuổi không còn đủ tỉnh táo nên bị bà Nay; bà Phê xúi dục khởi kiện nhằm mục đích cá nhân chia số tiền nói trên.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của Ông C sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Ông C kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét công nhận 387.703.800đ là tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm của hộ bà C có 05 nhân khẩu: bà C, ông C, chị C, chị L, chị H nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bà C không chấp nhận. Thấy rằng:

[1.1] Tại Quyết định 2960/QĐ-UBND ngày 15/8/2017 Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định phê duyệt, giá trị hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm cho hộ bà Nguyễn Thị C là 387.703.800đ nên số tiền này là tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm của hộ bà C.

[1.2] Theo sổ hộ khẩu tại thời điểm thu hồi đất thì hộ bà C có 05 nhân khẩu đó là bà C, ông C, chị C, chị L, chị H.

[1.3] Như vậy, số tiền 387.703.800đ thuộc quyền sở hữu chung của bà C, ông C, chị C, chị L, chị H nên ông C có nghĩa vụ trả lại cho bà C 77.540.760đ (387.703.800đ : 5).

[1.4] Ông C nại khi nào bà Chiều bị bệnh thì anh sẽ giao 77.540.760đ cho bà C nhưng bà C không chấp nhận; lời nại này của ông C không phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[1.5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo sửa ông C sửa án sơ thẩm.

[2] Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

khóa 12 thì bà C không phải chịu án phí nên được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp, còn ông C phải chịu 3.877.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Do kháng cáo được chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 thì ông C không phải án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của ông C sửa bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 163, Điều 164 và Điều 166 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14. Tuyên xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Phan Đình C, sửa bản án sơ.

1. Buộc ông Phan Đình C phải có nghĩa vụ giao cho bà Nguyễn Thị C 77.540.760 đồng (Bảy mươi bảy triệu năm trăm bốn mươi nghìn bảy trăm sáu mươi đồng).

2. Về án phí:

2.1. Ông Phan Đình C phải chịu 3.877.000 đồng (Ba triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Bà Nguyễn Thị C được nhận lại 9.693.000 đồng (Chín triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0006348 ngày 02/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q.

2.3. Ông Phan Đình C được nhận lại phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 0000770 ngày 19/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q.

3. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

3.1. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi

hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND thành phố Q;
- CCTHADS thành phố Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Thường